TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**774**/2019/DS-ST
Ngày: 06-11-2019.
V/v: Tranh chấp giao dịch dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Vạn.
2. Ông Lê Văn Dương.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 681/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp giao dịch dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1972;
Địa chỉ: D1/40 ấp 4, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Bùi Diễm Sương, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: E8/3 đường Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 07/11/2018). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đinh Thị Kim H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: E7/61 ấp 5, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Ngươn, sinh năm 1968.

Địa chỉ: D1/40 ấp 4, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau; ông Nguyễn Thanh N và bà Đinh Thị Kim H có góp hụi với nhau. Trong đó bà H là chủ hụi, ông N là thành viên góp hụi.

Ông N góp 01 dây hụi tháng và 04 dây hụi tuần. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất (dây hụi tháng): Từ ngày 01/01/2018 (tức ngày 15/11/2017 âm lịch) đến ngày 24/9/2018 (tức ngày 15/8/2018 âm lịch), ông N đóng cho bà H 10 tháng tiền hụi, mỗi tháng đóng 4.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng. tiền lãi mối tháng là 1.000.000 đồng, tổng cộng 10 tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng.Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 50.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai (dây hụi tuần): Từ ngày 05/4/2018 đến ngày 27/9/2018, mỗi tuần ông N đóng cho bà H 4.000.000 đồng, tổng cộng 26 tuần với số tiền là 104.000.000 đồng. Tiền lãi mỗi tuần là 1.000.000 đồng, tổng cộng 26 tuần tiền lãi là 26.000.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 130.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba (dây hụi tuần): Từ ngày 28/4/2018 đến ngày 29/9/2018, mỗi tuần ông N đóng cho bà H 8.000.000 đồng, tổng cộng 23 tuần với số tiền là 184.000.000 đồng. Tiền lãi mỗi tuần là 2.000.000 đồng, tổng cộng 23 tuần tiền lãi là 46.000.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 230.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư (dây hụi tuần): Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 27/9/2018, mỗi tuần ông N đóng cho bà H 8.000.000 đồng, tổng cộng 18 tuần với số tiền là 144.000.000 đồng. Tiền lãi mỗi tuần là 2.000.000 đồng, tổng cộng 18 tuần tiền lãi là 66.000.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 180.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm (dây hụi tuần): Từ ngày 09/8/2018 đến ngày 27/9/2018, mỗi tuần ông N đóng cho bà H 8.400.000 đồng, tổng cộng 08 tuần với số tiền là 67.200.000 đồng. Tiền lãi mỗi tuần là 2.100.000 đồng, tổng cộng 08 tuần tiền lãi là 16.800.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 84.000.000 đồng.

Các dây hụi nêu trên đã kết thúc. Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi mà bà H giữ của ông N không cho ông N hốt là 50.000.000 đồng + 130.000.000 đồng + 230.000.000 đồng + 180.000.000 đồng + 84.000.000 đồng = 674.000.000 đồng. Đến ngày 15/12/2018, bà H có trả cho ông N số tiền 100.000.000 đồng.

Do đó, ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc bà Đinh Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh N tổng số tiền nợ hụi còn lại là 574.000.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Chỉ yêu cầu một mình bà H chịu trách nhiệm.

Ngày 07/8/2019 Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có bản tự khai bổ sung với nội dung đồng ý với số tiền mà bị đơn thừa nhận chịu trách nhiệm. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H trả cho ông N số tiền 414.800.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Ngươn có cùng ý kiến và yêu cầu giống với ông Nguyễn Thanh N. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2018 bị đơn bà Đinh Thị Kim H trình bày:

Bà Đinh Thị Kim H xác nhận ông Nguyễn Thanh N có tham gia góp 01 dây hụi tháng và 04 dây hụi tuần cho bà Đinh Thị Kim H, đúng như lời nguyên đơn trình bày.

Bà Đinh Thị Kim H xác nhận tổng số tiền 01 dây hụi tháng và 04 dây hụi tuần của ông N là: Tiền gốc 514.800.000 đồng, tiền lãi là 159.200.000 đồng. Tổng cộng là 674.000.000 đồng. Bà Đinh Thị Kim H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vào ngày 15/12/2018 bà H có thương lượng với ông N là chỉ tính tiền nợ gốc, không tính tiền lãi và nếu ông N bớt tiền lãi là 159.200.000 đồng, thì bà H sẽ trả trước cho ông N số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và ông N đã đồng ý bớt phần tiền lãi suất là 159.200.000 đồng và đã đồng ý nhận trước 100.000.000 đồng. Do đó, bà H xác nhận chỉ còn nợ ông N số tiền góp hụi là 514.800.000 đồng – 100.000.000 đồng = 414.800.000 đồng.

Bà Đinh Thị Kim H xác nhận còn thiếu Nguyễn Thanh N số tiền là 414.800.000 đồng và bà cam kết trả số tiền 414.800.000 đồng cho ông N với phương thức, khi nào có thì trả.

Bà Đinh Thị Kim H xác nhận khoản tiền góp hụi của ông Nguyễn Thanh N bà dùng vào việc tiêu dùng cá nhân, chồng bà không hề hay biết, không liên quan tới chồng bà là ông Phạm Văn Quốc. Bà H cam kết tự chịu trách nhiệm đối với số nợ trên với ông N.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn pH trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi gốc là 414.800.000 đồng, trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ông Nguyễn Thanh N khởi kiện tranh chấp giao dịch về hụi đối với bà Đinh Thị Kim H. Bà H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp giao dịch về hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Đinh Thị Kim H, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Bà Đoàn Thị Ngươn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Phạm Bùi Diễm Sương là đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H, bà Ngươn, bà Sương theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do nguyên đơn chỉ giao dịch với bà H và chỉ yêu cầu một mình bà Đinh Thị Kim H chịu trách nhiệm đối với số tiền nợ còn thiếu và bị đơn bà Đinh Thị Kim H xác định đã sử dụng toàn bộ số tiền góp hụi của ông Nguyễn Thanh N vào việc tiêu dùng cá nhân, chồng bà là ông Phạm Văn Quốc không biết và không liên quan nên bà cam kết chịu trách nhiệm một mình đối với khoản tiền còn nợ ông N. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông Phạm Văn Quốc vào tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật.

[2].Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời xác nhận trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có căn cứ xác định ông Nguyễn Thanh N và bà Đinh Thị Kim H có quan hệ giao dịch góp hụi với nhau, trong đó bà H là chủ hụi và ông N là thành viên tham gia dây hụi. Giao dịch góp hụi giữa ông N và bà H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Tại biên bản lấy lời khai: Bà Đinh Thị Kim H xác nhận còn nợ tiền góp hụi của ông N tổng cộng là 647.000.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc 514.800.000 đồng, tiền lãi là 159.200.000 đồng. Tuy nhiên vào ngày 15/12/ 2018 bà H có thương lượng với nguyên đơn là chỉ tính tiền gốc thôi, nếu ông N bớt tiền lãi là 159.200.000 đồng thì bà H sẽ trả trước cho ông N 100.000.000 đồng và ông N đã đồng ý bớt phần lãi suất là 159.200.000 đồng và đã đồng ý nhận trước 100.000.000 đồng. Như vậy bà Đinh Thị Kim H thừa nhận còn thiếu ông N số tiền là 414.800.000 đồng. Bà H cam kết tự chịu trách nhiệm với số nợ trên và khi nào có tiền thì sẽ trả.

[2.3]. Tại bản tự khai bổ sung ngày 07/8/2019 bà Phạm Bùi Diễm Sương là đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đồng ý với số tiền mà bà H cam kết chịu trách nhiệm là 414.800.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị Kim H trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền là 414.800.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.4]. Xét số tiền mà nguyên đơn yêu cầu và số tiền bị đơn chấp nhận chịu trách nhiệm với nguyên đơn là phù hợp với nhau nên có cơ sở xác định bà Đinh Thị Kim H còn thiếu nợ ông Nguyễn Thanh N số tiền là 414.800.000 đồng.

[2.5] Khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên".*

[2.6] Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định: *"Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ pH giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có".*

[2.7] Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định số tiền mà bà H còn nợ hụi ông N là 414.800.000 đồng. Do bà H vi phạm thỏa thuận về hụi nên ông N yêu cầu bà H trả số tiền trên và yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà H pH trả số tiền còn nợ ông N, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà H trả lãi đối với số tiền nợ hụi gốc.

[2.8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.9] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N, buộc bà Đinh Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền nợ hụi là 414.800.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí: Bị đơn pH chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N;

Buộc bà Đinh Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền nợ hụi là 414.800.000 (Bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Nguyễn Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đinh Thị Kim H chậm trả tiền thì bà Đinh Thị Kim H còn pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

2.1. Bà Đinh Thị Kim H chịu 20.592.000 (Hai mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2.Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh N số tiền tạm ứng án phí 15.480.000 (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006280 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Chiến

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

***

Vào hồi giờ phút ngày / /2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1……

2…….. … …….

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 681/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp giao dịch dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: D1/40 ấp 4, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Bùi Diễm Sương, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: E8/3 đường Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 07/11/2018). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đinh Thị Kim H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: E7/61 ấp 5, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Ngươn, sinh năm 1968.

Địa chỉ: D1/40 ấp 4, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Biểu quyết: /3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N;

Buộc bà Đinh Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền nợ hụi là 414.800.000 (bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Nguyễn Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đinh Thị Kim H chậm trả tiền thì bà Đinh Thị Kim H còn pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

2.1. Bà Đinh Thị Kim H chịu 20.592.000 (Hai mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2.Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh N số tiền tạm ứng án phí 15.480.000 (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006280 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Biểu quyết: /3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**